

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P.Thắng Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |   |
| <p><b>B22.554/TTQT</b><br/><b>B22.0306</b></p>                                    | <p><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br/><b>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | <p>Ngày (Date): 12/08/2022<br/>Trang (Page): 01/02</p>                                                                                                                  |

1. Tên mẫu : Nước thải có khả năng bị nhiễm dầu của Công ty Đường ống khí  
Sample Name Nam Côn Sơn, vị trí có tọa độ X: 1155890; Y: 441528/ Wastewater is likely to be contaminated with oil of Nam Con Son Pipeline Co, location with X coordinates: 1155890; Y: 441528.
2. Ngày nhận mẫu : 03/08/2022.  
Date of receive sample
3. Khách hàng : Công ty đường ống khí Nam Côn Sơn.  
Customer Nam Con Son Pipeline Co.
4. Kết quả thử nghiệm :  
Test result

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm                    | Phương pháp thử<br>Test method                 | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Chất rắn lơ lửng (TSS)*<br>Suspended solids           | mg/l<br>TCVN 6625:2000                         | KPH (<7,0)                        |
| 2. BOD <sub>5</sub> (20°C)*<br>Biochemical Oxygen Demand | mg/l<br>TCVN 6001-1:2008                       | KPH (<3,0)                        |
| 3. COD<br>Chemical Oxygen Demand                         | mg/l<br>SMEWW 5220D:2017                       | KPH (<30)                         |
| 4. Tổng Sắt (T- Fe)<br>Iron                              | mg/l<br>US EPA Method 3015A&SMEWW 3120B:2017   | KPH (<0,050)                      |
| 5. Chì (Pb)*<br>Lead                                     | mg/l<br>ASTM-D3559:15                          | KPH (<0,0100)                     |
| 6. Kẽm (Zn)<br>Zinc                                      | mg/l<br>US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017 | KPH (<0,050)                      |
| 7. Thủy ngân (Hg)<br>Mercury                             | mg/l<br>TCVN 7877:2008                         | KPH (<0,0010)                     |
| 8. Asen (As)*<br>Arsenic                                 | mg/l<br>ASTM-D2972:15                          | KPH (<0,0100)                     |
| 9. Crôm III (Cr <sup>3+</sup> )<br>Chromium III          | mg/l<br>TCVN 6658:2000-SMEWW 3120B:2017        | KPH (<0,050)                      |
| 10. Crôm VI (Cr <sup>6+</sup> )<br>Chromium VI           | mg/l<br>TCVN 6658:2000                         | KPH (<0,010)                      |
| 11. Tổng Nitơ (T-N)*<br>Nitrogen total                   | mg/l<br>TCVN 6638:2000                         | KPH (<10,0)                       |
| 12. Sunfua (S <sup>2-</sup> )<br>Sulfur                  | mg/l<br>SMEWW 4500 S <sup>2-</sup> -D :2017    | KPH (<0,12)                       |
| 13. Phenol<br>Phenol                                     | mg/l<br>TCVN 6216:1996                         | KPH (<0,10)                       |
| 14. Độ màu<br>Colour                                     | mg/l Pt<br>TCVN 6185:2015                      | KPH (<5,00)                       |

|                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU<br/>DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT<br/>OF BARIA-VUNGTAU PROVINCE<br/>TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG<br/>CENTER FOR ENVIRONMENTAL MONITORING AND RESOURCES<br/>28B Thị Sách, P. Thới Tam, TP. Vũng Tàu - Tel: 0254.3523394 - Fax: 0254.3852413<br/>Website: quantracmoitruongvungtau.com.vn<br/>Email: quantracmoitruongvungtau@gmail.com</p> |  |
| <p><b>B22.554/TTQT</b><br/><b>B22.0306</b></p>                                    | <p align="center"><b>KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br/><b>TEST REPORT</b></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <p>Ngày (Date): 12/08/2022<br/>Trang (Page): 02/02</p>                              |

| Tên chỉ tiêu<br>Name of analysis norm                                     |           | Phương pháp thử<br>Test method         | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------|-----------------------------------|
| 15. Florua (F <sup>-</sup> )<br>Fluoride                                  | mg/l      | SMEWW 4500-F-B&D:2017                  | KPH (<0,20)                       |
| 16. Clo dư<br>Chlorine, free                                              | mg/l      | TCVN 6225-3:2011                       | KPH (<0,90)                       |
| 17. Dầu mỡ khoáng<br>Mineral oil                                          | mg/l      | SMEWW 5520B&F:2017                     | KPH (<0,3)                        |
| 18. Nitơ-amoni (N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )*<br>Nitrogen - aminonium | mg/l      | TCVN 5988:1995                         | KPH (<1,00)                       |
| 19. Tổng photpho (T-P)*<br>Phosphorus                                     | mg/l      | TCVN 6202:2008                         | KPH (<0,020)                      |
| 20. pH                                                                    |           | TCVN 6492 : 2011                       | 6,5                               |
| 21. Đồng (Cu)<br>Copper                                                   | mg/l      | US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017 | KPH (<0,050)                      |
| 22. Cadimi (Cd)*<br>Cadmium                                               | mg/l      | ASTM-D3557:17                          | KPH (<0,0023)                     |
| 23. T-Coliform<br>Coliform organisms                                      | MPN/100ml | TCVN 6187-2:2020                       | 15 x 10 <sup>2</sup>              |
| 24. Mangan (Mn)<br>Manganese                                              | mg/l      | US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017 | KPH (<0,050)                      |
| 25. Niken (Ni)<br>Nickel                                                  | mg/l      | US EPA Method 3015A & SMEWW 3120B:2017 | KPH (<0,050)                      |
| 26. Xyanua (CN <sup>-</sup> )<br>Cyanide                                  | mg/l      | TCVN 6181 : 1996                       | KPH (<0,008)                      |
| 27. Nhiệt độ<br>Temperature                                               | °C        | SMEWW 2550B : 2017                     | 31,7                              |

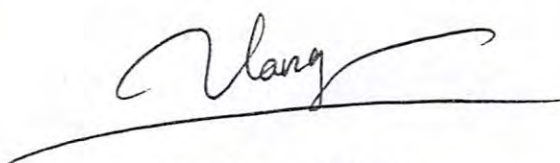
**Ghi chú:** Mẫu do TTQTTN & MT lấy lúc 10h05/ Sample is taken by Center for environmental monitoring and resources at 10.30AM.

( \* ): Chỉ tiêu được BOA công nhận. Số hiệu VILAS 149/ ( \* ): Analysis norm is recognized by BOA. Number VILAS 149.

Mẫu được lấy theo hợp đồng C-1102/TTQTTNMT – DVTV ngày 19/2/2021/ Sample is collected according to contract C-1102 / TTQTTNMT – DVTV dated 19/2/2021.

KPH: Không phát hiện/ Not detected.

**TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH**  
**HEAD ANALYSIS DIVISION**



**Nguyễn Thị Lệ Hằng**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



*Lê Tuấn Kiệt*